

Họ và tên học sinh:

**Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)  $15\text{dm}^2 = \dots \text{cm}^2$

$40\text{dm}^2 = \dots \text{cm}^2$

$3\text{dm}^2 12\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$

b)  $2300\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$

$50000\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$

$1230\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2 \dots \text{cm}^2$

c)  $21\text{m}^2 = \dots \text{dm}^2$

$2010\text{m}^2 = \dots \text{dm}^2$

$3\text{m}^2 20\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$

d)  $2000\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$

$10500\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$

$4560\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2 \dots \text{dm}^2$

**Bài 7:** Điền dấu ( $>$ ;  $<$ ;  $=$ ).

a)  $5\text{dm}^2 7\text{cm}^2 \dots 57\text{cm}^2$

$5\text{dm}^2 7\text{cm}^2 \dots 507\text{cm}^2$

$5\text{dm}^2 7\text{cm}^2 \dots 570\text{cm}^2$

b)  $2\text{m}^2 5\text{cm}^2 \dots 2050\text{cm}^2$

$2\text{m}^2 5\text{cm}^2 \dots 20005\text{cm}^2$

$2\text{m}^2 5\text{cm}^2 \dots 20050\text{cm}^2$

**Bài 8:** Mỗi thùng chứa 250kg sách vở. Mỗi xe ô tô chở 4 thùng sách vở. Hỏi 2 xe ô tô như vậy chở mấy tấn sách vở?

Bài giải

---

---

---

---

---

---

---

**Bài 9.** Điền vào chỗ trống

$25\text{dm}^2 = \dots \text{cm}^2$

$7400\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$

$5\text{dm}^2 3\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$

$18\text{dm}^2 40\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$

$5\text{m}^2 = \dots \text{cm}^2$

$21\text{m}^2 200\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$